

*

Số 27-HD/BXDĐĐU

Bình Lư, ngày 28 tháng 5 năm 2026

HƯỚNG DẪN

Tổ chức học tập, quán triệt, tuyên truyền, triển khai thực hiện các nghị quyết, chỉ thị, kết luận, quy định của Bộ Chính trị, Ban Bí thư và các văn bản mới của Tỉnh ủy, Đảng ủy

Thực hiện Hướng dẫn số 45-HD/BTGDVTU, ngày 18/5/2026 của Ban Tuyên giáo và Dân vận Tỉnh ủy về tổ chức học tập, quán triệt, tuyên truyền, triển khai thực hiện các chủ trương, nghị quyết mới của Bộ Chính trị, Ban Bí thư Trung ương Đảng và Ban Thường vụ Tỉnh ủy. Ban xây dựng Đảng Đảng ủy hướng dẫn công tác học tập, quán triệt, tuyên truyền và triển khai thực hiện như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

Giúp các chi, đảng bộ chỉ đạo tổ chức học tập, quán triệt, tuyên truyền kịp thời, nghiêm túc, thống nhất và hiệu quả các chủ trương, nghị quyết mới của Trung ương và cấp ủy cấp trên; chủ động cụ thể hóa và tổ chức thực hiện các chủ trương, nghị quyết gắn với chức năng, nhiệm vụ và điều kiện thực tiễn của cơ quan, đơn vị; đồng thời tăng cường công tác tư tưởng, đấu tranh ngăn chặn các quan điểm sai trái, nhận thức lệch lạc, giữ vững nền tảng tư tưởng của Đảng.

Đổi mới nội dung, hình thức quán triệt, học tập, tuyên truyền theo hướng trọng tâm, thiết thực, hiệu quả; bảo đảm cán bộ, đảng viên nắm vững nội dung cốt lõi, điểm mới và yêu cầu đặt ra, nâng cao nhận thức chính trị và ý thức trách nhiệm, tạo sự thống nhất trong nhận thức và hành động.

Việc tổ chức học tập, quán triệt, tuyên truyền phải được lãnh đạo, chỉ đạo nghiêm túc, theo tinh thần Kết luận số 226-KL/TW ngày 11/12/2025 của Ban Bí thư về việc chấn chỉnh lề lối làm việc, nâng cao hiệu quả hoạt động của hệ thống chính trị. Người đứng đầu chịu trách nhiệm trực tiếp về chất lượng và kết quả triển khai của đơn vị.

II. NỘI DUNG, HÌNH THỨC THỰC HIỆN

1. Tổ chức học tập, quán triệt

1.1. Nội dung và tài liệu

a) Văn bản của Trung ương

- Nghị quyết số 02-NQ/TW, ngày 17/3/2026 của Bộ Chính trị về xây dựng và phát triển Thủ đô Hà Nội trong kỷ nguyên mới.

- Chỉ thị số 04-CT/TW, ngày 17/3/2026 của Ban Bí thư về tăng cường sự lãnh

đạo của Đảng đối với hoạt động xuất bản trong tình hình mới.

b) Văn bản của Tỉnh ủy

- Chỉ thị số 08-CT/TU, ngày 11/5/2026 về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác thi hành án dân sự, thi hành án hành chính trên địa bàn tỉnh.

- Quy chế số 06-QC/TU, ngày 14/4/2026 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy Lai Châu về Bảo vệ bí mật nhà nước đối với các cơ quan Đảng trên địa bàn tỉnh.

- Chương trình hành động số 18-CTr/TU, ngày 24/3/2026 về thực hiện Chỉ thị số 58-CT/TW, ngày 10/01/2026 của Ban Bí thư về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác tuyên truyền, giáo dục chính trị, tư tưởng, pháp luật cho công nhân trong tình hình mới.

- Chương trình hành động số 19-CTr/TU, ngày 3/4/2026 về thực hiện Nghị quyết số 80-NQ/TW, ngày 07/01/2026 của Bộ Chính trị về phát triển văn hóa Việt Nam.

- Chương trình hành động số 20-CTr/TU, ngày 7/4/2026 về thực hiện Chỉ thị số 57-CT/TW, ngày 31/12/2025 của Ban Bí thư về tăng cường bảo đảm an ninh mạng, bảo mật thông tin, an ninh dữ liệu trong hệ thống chính trị.

- Kế hoạch số 64-KH/TU, ngày 06/4/2026 về thực hiện Chỉ thị số 03-CT/TW, ngày 03/02/2026 của Ban Bí thư về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác quản lý, phát triển vật liệu xây dựng trong giai đoạn mới trên địa bàn tỉnh Lai Châu.

c) Văn bản của Đảng ủy

- Kế hoạch số 74-KH/ĐU, ngày 10/4/2026 về thực hiện Nghị quyết số 05-NQ/TU, ngày 12/02/2026 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về nâng cao trình độ, năng lực cán bộ cấp xã đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ trong tình hình mới.

- Kế hoạch số 82-KH/ĐU, ngày 29/04/2026 về thực hiện Nghị quyết số 09-NQ/TU, ngày 04/3/2026 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh về nâng cao hiệu quả thu hút đầu tư, phát triển kinh tế tư nhân thành động lực quan trọng trong phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Lai Châu giai đoạn 2026-2030.

- Kế hoạch số 83-KH/ĐU, ngày 29/04/2026 về thực hiện Nghị quyết số 08-NQ/TU, ngày 04/3/2026 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh về phát triển du lịch giai đoạn 2026-2030, định hướng đến năm 2035.

- Kế hoạch số 84-KH/ĐU, ngày 29/04/2026 về thực hiện Nghị quyết số 06-NQ/TU ngày 04/3/2026 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh về nâng cao chất lượng giáo dục và đào tạo trên địa bàn tỉnh Lai Châu giai đoạn 2026-2030.

- Kế hoạch số 85-KH/ĐU, ngày 29/04/2026 về thực hiện Nghị quyết số 07-NQ/TU ngày 04/3/2026 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh về một số giải pháp tăng cường bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe Nhân dân tỉnh Lai Châu giai đoạn 2026-2030.

- Kế hoạch số 86-KH/ĐU, ngày 29/4/2026 về thực hiện Nghị quyết số 10-NQ/TU ngày 05/3/2026 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số đến năm 2030.

- Kế hoạch số 87-KH/ĐU, ngày 29/4/2026 về thực hiện Chỉ thị số 03-CT/TW, ngày 03/02/2026 của Ban Bí thư về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác quản lý, phát triển vật liệu xây dựng giai đoạn mới trên địa bàn xã Bình Lu.

- Kế hoạch số 88-KH/ĐU, ngày 29/4/2026 về thực hiện Nghị quyết số 79-NQ/TW ngày 06/01/2026 của Bộ Chính trị về phát triển kinh tế nhà nước.

- Kế hoạch số 89-KH/ĐU, ngày 29/4/2026 về thực hiện Kết luận số 219-KL/TW ngày 26/11/2025 của Bộ Chính trị về tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 19-NQ/TW ngày 16/6/2022 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII về nông nghiệp, nông dân, nông thôn đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045.

- Kế hoạch số 92 -KH/ĐU, ngày 29/4/2026 về Thực hiện Kết luận 236-KL/TW ngày 15/01/2026 của Ban Bí thư về tiếp tục thực hiện Chỉ thị số 49-CT/TW về đổi mới công tác dân vận của Đảng vùng đồng bào dân tộc thiểu số.

- Kế hoạch số 97-KH/ĐU, ngày 11/5/2026 về thực hiện Nghị quyết số 80-NQ/TW ngày 07/01/2026 của Bộ Chính trị về phát triển văn hóa Việt Nam...

Nội dung quán triệt cần tập trung làm rõ: Bối cảnh, lý do ban hành, ý nghĩa của văn bản trong việc định hướng, thực hiện nhiệm vụ chính trị trong giai đoạn mới; quan điểm chỉ đạo, mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm; những điểm mới, nội dung liên quan trực tiếp đến ngành, lĩnh vực, cơ quan, đơn vị; trách nhiệm của cấp ủy, tổ chức đảng, cơ quan, đơn vị và từng cán bộ, đảng viên...Không truyền đạt nguyên văn tài liệu, không dàn trải nội dung.

Tài liệu học tập đã được Văn phòng Đảng ủy sao gửi hoặc được đăng tải trên Trang Thông tin điện tử Tỉnh ủy¹. Ban Tuyên giáo và Dân vận Tỉnh ủy biên tập tài liệu nội dung trọng tâm, cốt lõi của các chủ trương, nghị quyết phục vụ học tập, quán triệt của chi bộ thôn, bản; các tổ chức đảng sử dụng phù hợp tình hình thực tiễn (*có phụ lục 1 kèm theo*).

1.2. Đối tượng học tập, quán triệt

- Đảng viên, công chức, viên chức chưa là đảng viên đang công tác trong hệ thống chính trị tỉnh đều phải học tập, quán triệt.

- Cán bộ lãnh đạo các cấp, đội ngũ báo cáo viên, tuyên truyền viên, giảng viên giảng dạy lý luận chính trị phải nghiên cứu sâu, nắm vững nội dung cốt lõi, những điểm mới trong các chủ trương, nghị quyết để trực tiếp truyền đạt, tuyên truyền và tổ chức triển khai thực hiện tại địa phương, cơ quan, đơn vị.

1.2. Hình thức, thời gian và báo cáo viên

¹ <https://drive.google.com/file/d/12cHxFv7iNEJf1W4jf87CXKySfCryIPpJ/view?usp=sharing>

- Hình thức:

+ *Đảng ủy*: Ban Xây dựng Đảng Đảng ủy tham mưu cho Đảng ủy tổ chức 01 hội nghị tập trung tại xã.

+ *Chi bộ, đảng bộ trực thuộc*: Tổ chức học tập phù hợp điều kiện thực tế (hội nghị trực tiếp, lồng ghép sinh hoạt chi bộ...), bảo đảm thiết thực, không hình thức, tăng trao đổi, thảo luận.

- Thời gian tổ chức: Hoàn thành trước ngày 05/7/2026.

- Báo cáo viên:

+ Đảng ủy xã phân công Bí thư, Phó Bí thư hoặc báo cáo viên cấp xã trực tiếp thực hiện việc quán triệt.

+ Đối với các chi, đảng bộ trực thuộc, Bí thư hoặc Phó Bí thư trực tiếp triển khai; trường hợp cần thiết có thể mời báo cáo viên cấp xã tham gia.

+ Báo cáo viên phải chuẩn bị đề cương bài giảng ngắn gọn, rõ trọng tâm, gắn với thực tiễn; tích cực ứng dụng công nghệ thông tin; không đọc lại nguyên văn tài liệu trong quá trình quán triệt.

+ Tại địa bàn có đông đồng bào dân tộc thiểu số, khuyến khích báo cáo viên linh hoạt biên dịch nội dung sang tiếng dân tộc phù hợp để người nghe dễ tiếp thu.

2. Công tác tuyên truyền

2.1. Nội dung: Các nội dung được nêu **tại mục 1** của Hướng dẫn.

2.2. Hình thức tuyên truyền: Cơ quan Ủy ban MTTQ Việt Nam xã, các cơ quan khối tuyên truyền lựa chọn nội dung, tổ chức tuyên truyền bằng hình thức phù hợp với chức năng, thế mạnh và điều kiện cụ thể của ngành, đơn vị đến cán bộ, đảng viên, đoàn viên, hội viên và Nhân dân. Chú trọng ứng dụng công nghệ thông tin, phát huy hiệu quả của mạng internet, mạng xã hội để tuyên truyền; biên tập nội dung ngắn gọn, dễ hiểu để phát trên hệ thống loa truyền thanh cơ sở; duy trì hoạt động tuyên truyền miệng trong sinh hoạt của tổ chức đoàn thể, họp bản; chú trọng tuyên truyền bằng tiếng dân tộc thiểu số.

3. Triển khai thực hiện

Các chi, đảng bộ trực thuộc căn cứ các văn bản của Trung ương, của Tỉnh ủy, Đảng ủy để cụ thể hóa, xây dựng kế hoạch triển khai thực hiện của đơn vị đảm bảo nội dung phù hợp, sát với chức năng, nhiệm vụ và tình hình thực tiễn.

4. Kiểm tra, giám sát

Ủy ban Kiểm tra Đảng ủy tham mưu cấp ủy tăng cường công tác kiểm tra, giám sát việc tổ chức học tập, quán triệt, tuyên truyền và triển khai thực hiện các chủ trương, nghị quyết, chỉ thị của Đảng tại các chi, đảng bộ. Ban Xây dựng Đảng Đảng

ủy tham mưu cấp ủy đưa kết quả thực hiện nhiệm vụ là một trong những căn cứ quan trọng để đánh giá, xếp loại chất lượng tổ chức đảng, cán bộ, đảng viên.

III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Ban Xây dựng Đảng Đảng ủy

- Hướng dẫn các chi, đảng bộ trực thuộc; các cơ quan, đơn vị tổ chức học tập, quán triệt và tuyên truyền rộng rãi trong các tầng lớp Nhân dân. Tổng hợp, báo cáo kết quả triển khai thực hiện với Thường trực Đảng ủy, Ban Tuyên giáo và Dân vận Tỉnh ủy theo quy định.

- Tham mưu tổ chức Hội nghị học tập, quán triệt các nghị quyết, chỉ thị, kết luận, quy định của Bộ Chính trị, Ban Bí thư và các văn bản mới của Tỉnh đảm bảo mục đích, yêu cầu đề ra. Chủ động nắm tình hình tư tưởng, dư luận xã hội; đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái thù địch.

2. Các chi, đảng bộ trực thuộc; Ủy ban MTTQ Việt Nam xã

Quán triệt, tuyên truyền sâu rộng các văn bản của Đảng đến cán bộ, đảng viên, đoàn viên, hội viên và các tầng lớp Nhân dân bằng các hình thức linh hoạt, phù hợp tình hình thực tế. Chủ động nắm tình hình tư tưởng, dư luận xã hội của cán bộ, đảng viên và Nhân dân về các chủ trương, nghị quyết của Đảng; tích cực đấu tranh bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, phản bác các quan điểm sai trái, thù địch.

3. Phòng Văn hóa – Xã hội xã; Trung tâm Dịch vụ tổng hợp xã

- Bám sát Hướng dẫn chủ động tổ chức tuyên truyền nội dung cơ bản, cốt lõi của các văn bản mới của Trung ương, của Tỉnh ủy theo chức năng, thế mạnh của ngành, đơn vị đảm bảo thiết thực, hiệu quả.

- Kết thúc đợt quán triệt, học tập, tuyên truyền các chi, đảng bộ trực thuộc; các cơ quan, đơn vị: Ủy ban MTTQ Việt Nam xã, Phòng Văn hoá - Xã hội xã; Trung tâm Dịch vụ tổng hợp xã báo cáo kết quả các nội dung của Hướng dẫn này về **Ban xây dựng Đảng Đảng ủy trước ngày 05/7/2026** (Qua đồng chí Lương Thị Mai - SĐT: 0383.412.944).

Nơi nhận:

- Ban Tuyên giáo và Dân vận Tỉnh ủy (b/c),
- TT Đảng ủy (b/c),
- Các chi, đảng bộ trực thuộc Đảng ủy,
- Cơ quan Ủy ban MTTQ Việt Nam xã,
- Phòng Văn hóa - Xã hội xã,
- Trung tâm Dịch vụ tổng hợp xã,
- Lưu.

**K/T TRƯỞNG BAN
PHÓ TRƯỞNG BAN**

Đoàn Việt Hoàng

Phụ lục 1
NỘI DUNG CƠ BẢN, CỐT LÕI TRONG CÁC CHỦ TRƯỞNG, NGHỊ
QUYẾT MỜI CỦA BỘ CHÍNH TRỊ, BAN BÍ THƯ TRUNG ƯƠNG ĐẢNG
VÀ BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY, ĐẢNG ỦY

I. NGHỊ QUYẾT SỐ 02-NQ/TW, NGÀY 17/3/2026 CỦA BỘ CHÍNH
TRỊ VỀ XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN THỦ ĐÔ HÀ NỘI TRONG KỶ
NGUYÊN MỚI

1. Bối cảnh, sự cần thiết ban hành Nghị quyết

Thủ đô Hà Nội là trái tim của cả nước, trung tâm chính trị - hành chính, trung tâm lớn về kinh tế - văn hóa, giáo dục, khoa học - công nghệ của cả nước; xây dựng Thủ đô “Văn hiến - Văn minh - Hiện đại”. Thủ đô Hà Nội đạt được nhiều thành tựu quan trọng, khá toàn diện trên các lĩnh vực; vai trò, vị thế, uy tín của Thủ đô tiếp tục được nâng cao. Tuy nhiên, những kết quả đạt được chưa tương xứng với vị trí, vai trò, tiềm năng, lợi thế và vai trò đặc biệt của Thủ đô.

Trong bối cảnh đất nước bước vào kỷ nguyên phát triển mới với yêu cầu tăng trưởng nhanh, bền vững, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia và khẳng định vị thế trên thị trường quốc tế, việc xây dựng và phát triển Thủ đô Hà Nội có ý nghĩa đặc biệt quan trọng, mang tầm chiến lược, lâu dài. Bộ Chính trị ban hành Nghị quyết số 02-NQ/TW nhằm định hướng xây dựng, phát triển Thủ đô Hà Nội trong kỷ nguyên mới.

2. Nội dung trọng tâm, cốt lõi của Nghị quyết

2.1. Quan điểm chỉ đạo

(1) Thống nhất nhận thức về vị trí, vai trò và tầm quan trọng đặc biệt của Thủ đô Hà Nội là trung tâm đầu não chính trị – hành chính quốc gia; nơi hội tụ, lan tỏa tinh hoa văn hóa, trí tuệ và nguồn lực của đất nước; trung tâm kiến tạo, đổi mới sáng tạo; là hạt nhân, trung tâm kết nối và động lực phát triển của vùng và cực tăng trưởng của cả nước; dẫn đầu cả nước và vươn tầm khu vực về một số lĩnh vực: giáo dục và đào tạo, y tế, khoa học công nghệ và đổi mới sáng tạo, hướng tới là thành phố kết nối toàn cầu.

Xây dựng và phát triển Thủ đô là trách nhiệm của toàn Đảng, toàn dân, toàn quân và cả hệ thống chính trị, trực tiếp và thường xuyên là Đảng bộ, chính quyền và Nhân dân Thủ đô.

(2) Xây dựng Thủ đô “Văn hiến - Văn minh - Hiện đại - Hạnh phúc”; lấy con người là trung tâm, chủ thể, mục tiêu và động lực phát triển. Đặt văn hóa ở vị trí trung tâm của chiến lược phát triển kinh tế - xã hội; “Văn hiến - Bản sắc - Sáng tạo” là giá trị cốt lõi xuyên suốt. Phát triển Thủ đô nhanh, bền vững, thông minh, hiện đại, bao trùm; giữ vững quốc phòng, an ninh, bảo đảm trật tự, an toàn xã hội.

(3) Quy hoạch tổng thể Thủ đô Hà Nội tầm nhìn dài hạn 100 năm ổn định

theo không gian phát triển mở, cấu trúc đô thị “đa tầng, đa lớp, đa cực, đa trung tâm”, lấy Sông Hồng làm trục cảnh quan sinh thái - văn hoá chủ đạo, gắn kết chặt chẽ với vùng Thủ đô và các vùng kinh tế, hành lang kinh tế quốc gia, quốc tế.

(4) Xác lập thể chế đặc thù, vượt trội, phân cấp, phân quyền triệt để, toàn diện, đảm bảo Thủ đô có đủ thẩm quyền, công cụ và nguồn lực để chủ động quyết định các vấn đề phát triển.

(5) Xây dựng Đảng bộ và hệ thống chính trị của Thủ đô trong sạch, vững mạnh, nêu gương, hành động, trách nhiệm; thật sự tiêu biểu, mẫu mực về bản lĩnh chính trị, đạo đức cách mạng và năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu.

2.2. Mục tiêu, chỉ tiêu

- **Mục tiêu:** Nghị quyết xác định rõ các mốc phát triển chiến lược của Thủ đô theo từng giai đoạn, trọng tâm là:

+ Đến năm 2035: Thủ đô Hà Nội trở thành đô thị xanh, thông minh, hiện đại; có năng lực cạnh tranh cao; chính trị – xã hội ổn định, người dân hạnh phúc; là trung tâm lớn về giáo dục – đào tạo, y tế, tài chính, thương mại và đổi mới sáng tạo cấp quốc gia, khu vực và quốc tế.

+ Đến năm 2045: Hà Nội trở thành trung tâm đổi mới sáng tạo quan trọng của khu vực châu Á - Thái Bình Dương; hạ tầng, quản trị đô thị hiện đại; người dân có chất lượng sống cao; xã hội văn minh, an toàn, đáng sống, hạnh phúc.

+ Hướng tới 100 năm giải phóng Thủ đô (năm 2054) và đến năm 2065: Thủ đô Hà Nội là thành phố toàn cầu, thuộc nhóm các thủ đô có chất lượng sống và hạnh phúc cao trên thế giới.

- Chỉ tiêu, một số chỉ tiêu nổi bật

+ Giai đoạn 2026 – 2030: Tăng trưởng GRDP bình quân trên 11%/năm; Đến năm 2030, quy mô GRDP đạt khoảng 113 tỉ USD; hình thành một số thương hiệu tiêu biểu về công nghiệp văn hoá tầm quốc tế. Hoàn thành xử lý các điểm nghẽn về úng ngập, ô nhiễm môi trường, ùn tắc giao thông, trật tự, an toàn xã hội và vệ sinh an toàn thực phẩm.

+ Giai đoạn 2031 – 2035: Tăng trưởng GRDP bình quân từ 11% trở lên. Đến năm 2035, quy mô GRDP đạt khoảng 200 tỉ USD.

+ Giai đoạn 2036 - 2045: Tăng trưởng GRDP bình quân trên 11%/năm; Đến năm 2045, quy mô GRDP đạt khoảng 640 tỉ USD.

+ Giai đoạn 2046 - 2065: Tăng trưởng GRDP bình quân trên 5%/năm. Đến năm 2065, quy mô GRDP đạt khoảng 1.920 tỉ USD, bình quân đầu người thuộc nhóm cao trên thế giới.

2.3. Nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu

(1) Xây dựng Quy hoạch tổng thể Thủ đô ổn định, lâu dài, tầm nhìn 100 năm.

Phát triển Hà Nội theo mô hình chùm đô thị, đa tầng, đa lớp, đa cực, đa trung tâm; kết nối đồng bộ bằng hệ thống hạ tầng chiến lược và mạng lưới giao thông công cộng khối lượng lớn. Duy trì và phát triển hành lang sinh thái - văn hoá Sông Hồng - Sông Đuống - Sông Đáy - Sông Nhuệ - Sông Tô Lịch và rừng đặc dụng Ba Vì, làm khung sinh thái nền tảng cho cấu trúc đô thị.

Xác định hạ tầng là trục xương sống của phát triển. Ưu tiên phát triển đồng bộ kết cấu hạ tầng giao thông, phát triển đường sắt tốc độ cao kết nối vùng, cảng sông, sân bay. Khai thác lưỡng dụng sân bay Gia Lâm, Hoà Lạc; nghiên cứu xây dựng sân bay quốc tế thứ hai của vùng Thủ đô tại khu vực phía Nam.

Phát triển hệ thống hạ tầng chiến lược thích ứng với biến đổi khí hậu. Phát triển đô thị nén, đô thị xoay quanh các điểm trung chuyển giao thông công cộng (TOD). Quy hoạch phát triển và khai thác hiệu quả không gian ngầm, không gian tầm thấp và tầm cao. Ưu tiên bố trí quỹ đất cho khu văn phòng tập trung để thu hút các tập đoàn quốc tế, đa quốc gia đặt trụ sở, hình thành đơn vị hành chính - kinh tế đặc biệt, trung tâm tài chính, trung tâm thương mại và kinh doanh (CBD), khu kinh tế tự do, khu thương mại tự do (FTZ) gắn với sân bay và đường sắt quốc tế; phát triển "thung lũng công nghệ", trung tâm khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo gắn với giáo dục, đào tạo và y tế chất lượng cao. Phát triển đô thị sinh thái; kết hợp hài hoà giữa bảo tồn bản sắc văn hoá, làng nghề truyền thống với phát triển không gian đổi mới sáng tạo. Đẩy mạnh tái cấu trúc đô thị; có chính sách đột phá về nhà ở xã hội.

(2) Đẩy mạnh liên kết, phát triển vùng. Ưu tiên nguồn lực thúc đẩy liên kết Hà Nội với các tỉnh, thành phố trong vùng. Hình thành không gian phát triển vùng Thủ đô mở, vận hành theo cơ chế mềm, trong đó Hà Nội giữ vai trò là hạt nhân, đưa vùng Thủ đô trở thành không gian kinh tế - sáng tạo, phát triển năng động, có sức cạnh tranh khu vực và quốc tế. Hoàn thiện cơ chế điều phối vùng trên nguyên tắc cùng phát triển, cùng chia sẻ lợi ích và trách nhiệm.

(3) Xây dựng thể chế, cơ chế đột phá phát triển Thủ đô. Hoàn thiện thể chế đồng bộ, bảo đảm vượt trội, ưu việt, đủ năng lực xử lý hiệu quả các vấn đề của Hà Nội, của vùng Thủ đô, vùng đồng bằng Sông Hồng, vùng Trung du và miền núi phía Bắc và những vấn đề mang tầm quốc gia, quốc tế. Phân cấp, phân quyền triệt để cho Thành phố trong các lĩnh vực (trừ các nội dung về quốc phòng, an ninh, đối ngoại và tôn giáo). Mở rộng quyền tự chủ, tự quyết, tự chịu trách nhiệm trong tổ chức bộ máy, quản trị hành chính. Thủ đô chủ động xây dựng cơ chế thí điểm, thử nghiệm có kiểm soát (sandbox), các cơ chế, chính sách mới hoặc khác với quy định của pháp luật, từ đó tổng kết, đề xuất nhân rộng trên phạm vi cả nước. Xác lập mô hình quản trị Thủ đô thông minh, hiện đại, dựa trên dữ liệu và theo thời gian thực, với sự hỗ trợ của trí tuệ nhân tạo.

(4) Phát triển toàn diện văn hóa, con người Thủ đô. Kết hợp hài hoà giữa truyền thống và hiện đại, nhân văn và giàu ký ức; gắn kết chặt chẽ giữa phát triển văn hoá với phát triển kinh tế, lấy người dân làm trung tâm, chuyên hoá di sản thành tài sản sống, động lực phát triển văn hoá, nghệ thuật, thiết kế và du lịch. Bảo tồn, tôn tạo,

phục dựng và mở rộng không gian các di tích lịch sử - văn hoá tiêu biểu của Thủ đô. Phát triển công nghiệp văn hoá và thị trường các dịch vụ văn hoá; xây dựng mô hình, thương hiệu, sản phẩm văn hoá Thủ đô đặc sắc, mang tầm quốc tế gắn với du lịch. Xây dựng các công trình văn hoá, kiến trúc tiêu biểu, trường tồn, mang tính biểu tượng của Thủ đô và quốc gia trong kỷ nguyên mới. Phát triển giáo dục - đào tạo hiện đại, hội nhập quốc tế sâu rộng; phấn đấu đến năm 2035, có ít nhất 2 cơ sở giáo dục đại học đạt top 100 đại học hàng đầu thế giới. Phát triển y tế hiện đại, xây dựng một số bệnh viện đạt trình độ khu vực, quốc tế. Phát triển hệ thống an sinh xã hội bao trùm, nâng cao phúc lợi, thu hẹp chênh lệch phát triển giữa thành thị và nông thôn.

(5) Xác lập mô hình tăng trưởng mới của Thủ đô, lấy trí thức, khoa học – công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số, nguồn lực văn hoá và nguồn nhân lực chất lượng cao làm động lực trung tâm, là yếu tố then chốt tạo đột phá về năng suất, chất lượng tăng trưởng và sức cạnh tranh. Xây dựng hệ sinh thái đổi mới sáng tạo, lấy Khu Công nghệ cao Hòa Lạc làm hạt nhân nghiên cứu – phát triển. Đẩy mạnh chuyển đổi xanh, chuyển đổi số, phát triển kinh tế tuần hoàn; ưu tiên sử dụng năng lượng sạch, năng lượng tái tạo; chủ động triển khai giải pháp giảm phát thải, cải thiện môi trường sinh thái; thúc đẩy phát triển bền vững và thích ứng biến đổi khí hậu.

(6) Phát triển các ngành kinh tế thế mạnh của Thủ đô. Phát triển mạnh các dịch vụ tài chính, ngân hàng, logistics. Hình thành trung tâm tài chính gắn kết hài hoà với không gian Hồ Hoàn Kiếm - Hồ Tây - Sông Hồng (vành đai 1, hữu ngạn sông Hồng) và các khu kinh tế, thương mại tự do gắn với khai thác hiệu quả sân bay, đường sắt quốc tế. Phát triển các ngành công nghiệp công nghệ cao, công nghiệp số, công nghiệp dữ liệu, công nghiệp bán dẫn, công nghệ sinh học, công nghệ môi trường; hình thành cụm ngành, chuỗi giá trị có sức cạnh tranh. Phát triển mạnh kinh tế đô thị, kinh tế ban đêm, kinh tế sáng tạo và các ngành dịch vụ giá trị cao. Chuyển mạnh từ tư duy sản xuất nông nghiệp sang phát triển kinh tế nông nghiệp đô thị, lấy giá trị gia tăng, chuỗi giá trị và thị trường làm trung tâm.

(7) Huy động, khai thác và sử dụng hiệu quả nguồn lực. Ưu tiên bố trí nguồn ngân sách nhà nước và huy động các nguồn lực khác. Hà Nội xây dựng cơ chế điều tiết một phần giá trị gia tăng từ đất gắn với quy hoạch và phát triển hạ tầng chiến lược. Cải thiện môi trường đầu tư, kinh doanh minh bạch, bình đẳng. Phát triển mạnh khu vực kinh tế tư nhân; hình thành các tập đoàn tư nhân có năng lực cạnh tranh khu vực và quốc tế. Tiếp tục nâng cao hiệu quả của khu vực kinh tế nhà nước, phát huy vai trò tiên phong kiến tạo phát triển, dẫn dắt, mở đường. Xây dựng cơ chế, chính sách đặc thù thu hút đầu tư vào các ngành công nghệ lõi, công nghệ cao và giá trị gia tăng lớn. Tăng cường liên kết “Nhà nước – Nhà trường – Doanh nghiệp – Tổ chức tài chính”; phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao.

(8) Giữ vững quốc phòng – an ninh, bảo đảm trật tự, an toàn xã hội; nâng tầm đối ngoại, hội nhập quốc tế. Tập trung xây dựng lực lượng vũ trang Thủ đô chính quy, tinh nhuệ, hiện đại, đủ sức đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ bảo vệ vững chắc Thủ đô trong mọi tình huống. Thực hiện nghiêm nguyên tắc pháp quyền, mọi tổ chức, cá

nhân đều bình đẳng trước pháp luật. Phát huy lợi thế Thủ đô, chủ động, tích cực tham gia hội nhập quốc tế sâu rộng và hỗ trợ các hoạt động đối ngoại của cả nước.

(9) Nâng cao năng lực lãnh đạo, cầm quyền và sức chiến đấu của Đảng bộ Thủ đô. Tập trung xây dựng, chỉnh đốn, nâng cao năng lực lãnh đạo của Đảng bộ; xây dựng hệ thống chính trị tinh, gọn, mạnh, hiệu năng, hiệu lực, hiệu quả; đẩy mạnh phân cấp, phân quyền gắn với cải cách thủ tục hành chính và chuyển đổi số. Tập trung xây dựng đội ngũ cán bộ, nhất là cán bộ lãnh đạo, quản lý các cấp có ý chí vươn lên, khát vọng cống hiến cho sự nghiệp phát triển Thủ đô. Đổi mới phương thức lãnh đạo hiện đại theo hướng "Đảng bộ số - Chính quyền kiến tạo - Doanh nghiệp tiên phong - Xã hội đồng thuận". Nâng cao hiệu quả hoạt động của Mặt trận Tổ quốc, đoàn thể chính trị - xã hội các cấp và các hội quần chúng; xây dựng, củng cố khối đại đoàn kết toàn dân, mở rộng, phát huy dân chủ trong Đảng và trong xã hội, phát huy vai trò của Nhân dân vừa là trung tâm, chủ thể, vừa là đối tượng thụ hưởng các thành tựu trong quá trình xây dựng và phát triển Thủ đô.

II. CHỈ THỊ SỐ 04-CT/TW, NGÀY 17/3/2026 CỦA BAN BÍ THƯ VỀ TĂNG CƯỜNG SỰ LÃNH ĐẠO CỦA ĐẢNG ĐỐI VỚI HOẠT ĐỘNG XUẤT BẢN TRONG TÌNH HÌNH MỚI

1. Bối cảnh, sự cần thiết ban hành Chỉ thị

Sau hơn 70 năm xây dựng và phát triển, xuất bản cách mạng Việt Nam đạt nhiều thành tựu quan trọng, thật sự là vũ khí tư tưởng sắc bén của Đảng, Nhà nước và Nhân dân; là bộ phận quan trọng của nền văn hoá Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc; đóng góp xứng đáng vào sự nghiệp đấu tranh giải phóng dân tộc, thống nhất đất nước, xây dựng và bảo vệ tổ quốc, công cuộc đổi mới và hội nhập quốc tế.

Để tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với xuất bản, khẳng định và phát huy vai trò xuất bản là trụ cột tư tưởng, văn hoá, bồi đắp tri thức, định hướng thẩm mỹ, nâng cao dân trí, Ban Bí thư ban hành Chỉ thị số 04-CT/TW nhằm tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với hoạt động xuất bản trong tình hình mới.

2. Nội dung trọng tâm, cốt lõi của Chỉ thị

2.1. Quan điểm chỉ đạo

Xuất bản là lĩnh vực tư tưởng – văn hóa đặc biệt quan trọng, là vũ khí sắc bén của Đảng trong tuyên truyền, giáo dục, xây dựng nền tảng tư tưởng; góp phần nâng cao dân trí, phát triển văn hóa, con người Việt Nam. Xuất bản phải phục vụ nhu cầu đọc, học, hưởng thụ văn hóa của Nhân dân; lấy người đọc làm trung tâm; xây dựng, phát triển văn hóa đọc. Xuất bản là công cụ quan trọng trong giáo dục, đào tạo, bộ phận của công nghiệp văn hóa; góp phần lan tỏa tri thức, quảng bá văn hóa Việt Nam, mở rộng giao lưu quốc tế. Đảng, Nhà nước giữ vai trò định hướng, kiến tạo phát triển xuất bản; đẩy mạnh ứng dụng khoa học – công nghệ, chuyển đổi số, hiện đại hóa hoạt động xuất bản. Phát triển nguồn nhân lực xuất bản chất lượng cao là nhiệm vụ cấp bách.

2.2. Mục tiêu

- Đến năm 2030: Xây dựng hệ thống xuất bản tinh gọn, hiện đại, hình thành tập đoàn xuất bản, truyền thông chủ lực; tăng năng lực đối ngoại; chuyển đổi số sâu rộng (hạ tầng, nền tảng, nội dung số, AI, dữ liệu lớn, đa phương tiện); phát triển văn hoá đọc và thiết chế (thư viện số, tủ sách điện tử, trung tâm phát hành); ưu tiên vùng sâu xa, vùng đồng bào dân tộc thiểu số (sách song ngữ, tiếng dân tộc); đẩy mạnh hợp tác quốc tế, bản quyền; xuất bản điện tử (100% NXB tham gia, 80% cơ sở in công nghệ hiện đại).

- Tầm nhìn đến năm 2045: Xây dựng hệ thống xuất bản, truyền thông mạnh, đa dạng, hiện đại; trở thành ngành kinh tế số, doanh nghiệp số có năng lực vươn ra toàn cầu; là trung tâm sáng tạo, giao lưu, hợp tác của khu vực và quốc tế.

2.3. Nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu

- Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng, quản lý của Nhà nước, sự phối hợp của hệ thống chính trị; phát huy vai trò, trách nhiệm của xuất bản góp phần phục vụ công cuộc phát triển đất nước và đời sống văn hoá tinh thần của Nhân dân.

- Xây dựng, hoàn thiện quy định của Đảng và pháp luật về xuất bản; tháo gỡ điểm nghẽn, khơi thông nguồn lực; cơ chế, chính sách ưu đãi vượt trội thúc đẩy xuất bản ngang tầm khu vực, thế giới; phát triển không gian số và kinh tế số xuất bản. Xây dựng cơ chế tài chính hỗ trợ xuất bản; thành lập dự án hỗ trợ xuất bản huy động sự tham gia của các nhà xuất bản, nhà sách, công ty sách, các quỹ. Hoàn thiện pháp luật bảo vệ bản quyền; tăng cường bảo vệ quyền tác giả, nhất là trong môi trường số; tăng cường giáo dục, tuyên truyền nâng cao nhận thức cộng đồng về tôn trọng quyền tác giả.

- Xây dựng chiến lược phát triển xuất bản, định vị sản phẩm gắn với công nghiệp văn hoá; phát triển ngành xuất bản chuyên nghiệp, nhân văn, hiện đại; đầu tư nguồn lực, hạ tầng kỹ thuật; phát triển xuất bản điện tử; xây dựng mô hình xuất bản mới, dữ liệu phù hợp xu thế truyền thông tích hợp và chuyển đổi số; thúc đẩy hợp tác công tư; đơn vị xuất bản giữ vai trò then chốt, chủ đạo định hướng tư tưởng chính trị, văn hoá truyền thống của dân tộc.

- Tập trung đầu tư cho nội dung xuất bản trở thành sản phẩm cốt lõi để phát triển công nghiệp văn hoá; mở rộng thể loại, đề tài mới có giá trị tư tưởng, khoa học, thẩm mỹ; đặt hàng công trình khoa học, tác phẩm văn học nghệ thuật có giá trị, xứng tầm, đáp ứng nhu cầu tri thức và giải trí lành mạnh của Nhân dân. Bổ sung chính sách đầu tư, đãi ngộ, bảo vệ người làm xuất bản, biên tập viên trước hành vi vu khống, xuyên tạc, tấn công mạng. Đổi mới mô hình quản trị xuất bản, thích ứng cơ chế thị trường và thị hiếu công chúng, bạn đọc; chủ động cập nhật xu thế xuất bản mới trên thế giới.

- Tăng cường thanh tra, kiểm tra, xử lý kỷ luật, nghiêm minh các vi phạm đạo đức nghề nghiệp, vi phạm pháp luật; các hành vi lợi dụng tự do sáng tác, không gian mạng để tuyên truyền xuyên tạc lịch sử, văn hoá; sản phẩm không lành mạnh, trái thuần phong mỹ tục, chống phá Đảng, Nhà nước.

- Chăm lo, nuôi dưỡng, phát triển văn hoá đọc trong các tầng lớp Nhân dân;

tăng quảng bá, tôn vinh giá trị sách; nâng cao chất lượng Giải thưởng Sách Quốc gia ngang tầm khu vực; đề cao vai trò thiết yếu của sách; xây dựng thói quen, kỹ năng đọc; hình thành xã hội học tập và học tập suốt đời.

- Xây dựng hạ tầng kỹ thuật số, nền tảng dữ liệu xuất bản số dùng chung; đa dạng hoá sản phẩm theo hướng số hoá; khuyến khích doanh nghiệp công nghệ trong nước tham gia hệ sinh thái xuất bản số; đẩy mạnh cải cách, cắt giảm thủ tục hành chính, điều kiện kinh doanh; chia sẻ dữ liệu với cơ sở dữ liệu quốc gia và chuyên ngành; hiện đại hoá phát hành, xây dựng thư viện số và hệ thống phát hành sách số.

- Tăng cường mở rộng hợp tác quốc tế đưa sách, báo Việt Nam ra thế giới, đưa sách thế giới vào Việt Nam thông qua trao đổi bản quyền, xuất bản song ngữ; mở rộng thị trường in, xuất khẩu sản phẩm xuất bản; khuyến khích cơ sở in trong nước tham gia chuỗi cung ứng hàng hoá công nghiệp toàn cầu; lan toả giá trị văn hoá quốc gia qua xuất bản.

- Phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao: xây dựng đội ngũ người làm xuất bản có bản lĩnh chính trị, năng lực, trình độ chuyên môn; nhất là đội ngũ lãnh đạo, quản lý; thường xuyên bồi dưỡng về chính trị, tư tưởng, nghiệp vụ, đạo đức nghề nghiệp.

3. Gợi ý liên hệ, vận dụng đối với chi bộ, đảng viên

Chi bộ chỉ đạo đảng viên tuyên truyền, phát triển văn hóa đọc trong Nhân dân. Chỉ đạo xây dựng, duy trì các mô hình tủ sách cộng đồng, tủ sách gia đình. Chủ động nắm bắt tình hình tư tưởng, dư luận xã hội; kịp thời định hướng, xử lý các thông tin sai lệch, tiêu cực trên không gian mạng.

Đảng viên gương mẫu chấp hành chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về hoạt động xuất bản, thông tin, truyền thông; nâng cao ý thức trách nhiệm trong tiếp nhận, sử dụng và chia sẻ thông tin. Chủ động học tập, nâng cao nhận thức thông qua đọc sách, tài liệu chính thống; tích cực tham gia xây dựng văn hóa đọc trong gia đình và cộng đồng. Không đăng tải, chia sẻ, bình luận các thông tin sai sự thật, chưa được kiểm chứng; không tiếp tay cho việc phát tán thông tin xấu, độc.

III. CHƯƠNG TRÌNH HÀNH ĐỘNG SỐ 18-CTr/TU, NGÀY 24/3/2026 CỦA BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY VỀ THỰC HIỆN CHỈ THỊ SỐ 58-CT/TW, NGÀY 10/01/2026 CỦA BAN BÍ THƯ VỀ TĂNG CƯỜNG SỰ LÃNH ĐẠO CỦA ĐẢNG ĐỐI VỚI CÔNG TÁC TUYÊN TRUYỀN, GIÁO DỤC CHÍNH TRỊ, TƯ TƯỞNG, PHÁP LUẬT CHO CÔNG NHÂN TRONG TÌNH HÌNH MỚI

1. Bối cảnh, sự cần thiết ban hành Chương trình hành động

Thời gian qua, công tác tuyên truyền, giáo dục chính trị, tư tưởng, pháp luật cho công nhân trên địa bàn tỉnh đã được quan tâm triển khai, góp phần nâng cao nhận thức, ý thức chấp hành pháp luật của người lao động. Tuy nhiên, việc tổ chức thực hiện ở một số nơi còn hạn chế; nội dung, phương thức tuyên truyền chưa thực sự phù hợp; đội ngũ cán bộ còn mỏng; sự phối hợp chưa chặt chẽ.

Trong bối cảnh mới, yêu cầu xây dựng giai cấp công nhân vững mạnh, giữ

vững ổn định chính trị - xã hội và đáp ứng yêu cầu phát triển đặt ra nhiệm vụ phải tăng cường sự lãnh đạo của Đảng, đổi mới toàn diện công tác tuyên truyền, giáo dục. Đối với tỉnh Lai Châu, đặc thù là địa bàn miền núi, biên giới; doanh nghiệp ít, quy mô nhỏ; công nhân phân tán; tỷ lệ lao động là người dân tộc thiểu số cao; điều kiện tiếp cận thông tin, công nghệ còn hạn chế, do đó đòi hỏi công tác tuyên truyền phải linh hoạt, sát cơ sở, phù hợp từng nhóm đối tượng, bảo đảm tính thiết thực, hiệu quả.

2. Nội dung trọng tâm, cốt lõi của Chương trình hành động

2.1. Mục tiêu chung: Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng nhằm tạo chuyển biến mạnh mẽ, thực chất về chất lượng và hiệu quả công tác giáo dục chính trị, tư tưởng, pháp luật cho công nhân trên địa bàn tỉnh; nâng cao bản lĩnh, ý thức kỷ luật và văn hóa lao động, góp phần xây dựng giai cấp công nhân vững mạnh, đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước trong tình hình mới.

2. Mục tiêu cụ thể

Hàng năm, 100% công nhân lao động trên địa bàn tỉnh được tuyên truyền, phổ biến các nội dung cơ bản về chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước liên quan trực tiếp đến người lao động. 100% doanh nghiệp nhà nước, trên 85% doanh nghiệp ngoài khu vực nhà nước có tổ chức công đoàn tổ chức ít nhất 01 hoạt động tuyên truyền, giáo dục chính trị, tư tưởng, pháp luật cho công nhân; phấn đấu đến năm 2030 đạt 100%

2.3. Các nhóm nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm

2.3.1. Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng, nâng cao nhận thức, trách nhiệm của hệ thống chính trị

Tổ chức quán triệt, tuyên truyền sâu rộng Chỉ thị số 58-CT/TW và Chương trình hành động; đưa nội dung tuyên truyền, giáo dục chính trị, tư tưởng, pháp luật cho công nhân vào nghị quyết, chương trình, kế hoạch công tác hằng năm của cấp ủy, địa phương, đơn vị. Xác định rõ trách nhiệm của cấp ủy, tổ chức đảng, người đứng đầu cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp trong lãnh đạo, chỉ đạo và tổ chức thực hiện; chú trọng khu vực doanh nghiệp ngoài nhà nước, địa bàn vùng sâu, vùng xa, nơi công nhân phân tán.

2.3.2. Đổi mới nội dung, phương thức tuyên truyền, giáo dục theo hướng thiết thực, phù hợp với từng nhóm đối tượng

Tập trung tuyên truyền chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh; đường lối, quan điểm của Đảng; chính sách, pháp luật của Nhà nước, trọng tâm là pháp luật lao động, công đoàn, bảo hiểm xã hội, an toàn, vệ sinh lao động, chế độ tiền lương; gắn với nâng cao ý thức chấp hành pháp luật, kỷ luật lao động, tác phong công nghiệp, trách nhiệm công dân; bồi dưỡng tinh thần yêu nước, ý chí tự lực, tự cường; nâng cao khả năng nhận diện, đấu tranh với các quan điểm sai trái, thù địch. Gắn công tác tuyên truyền với thực hiện nghị quyết đại hội đảng các cấp, Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh và Nghị quyết Đại hội Công đoàn tỉnh Lai Châu nhiệm kỳ 2025–2030.

Đổi mới phương thức theo hướng linh hoạt, lấy công nhân làm trung tâm; phân nhóm đối tượng để lựa chọn nội dung, hình thức phù hợp; tăng cường tuyên truyền trực tiếp, lưu động tại nơi làm việc, khu dân cư, khu nhà trọ; chú trọng địa bàn vùng sâu, vùng xa, biên giới, nơi công nhân phân tán. Lòng ghép trong sinh hoạt công đoàn, sinh hoạt chi bộ, hoạt động cộng đồng, phong trào thi đua yêu nước, hoạt động văn hóa - xã hội.

Phát huy vai trò của già làng, trưởng bản, người có uy tín trong cộng đồng trong tuyên truyền, vận động công nhân là người dân tộc thiểu số; đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số; phát huy hiệu quả hệ thống truyền thanh cơ sở, cơ quan báo chí trên địa bàn tỉnh.

2.3.3. Phát huy vai trò nòng cốt của tổ chức công đoàn, tăng cường phối hợp giữa các lực lượng

Tổ chức công đoàn chủ động tham mưu với cấp ủy, chính quyền cùng cấp; trực tiếp triển khai công tác tuyên truyền tại cơ sở; phát huy vai trò của cán bộ công đoàn, công nhân nòng cốt trong nắm bắt tình hình tư tưởng, kịp thời phản ánh, đề xuất xử lý các vấn đề phát sinh. Tăng cường phối hợp giữa công đoàn với chính quyền, Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội và tổ chức đại diện người sử dụng lao động, tạo điều kiện để công nhân tham gia học tập, nâng cao nhận thức.

2.3.4. Hoàn thiện cơ chế, chính sách và bảo đảm điều kiện thực hiện

Rà soát, bổ sung, hoàn thiện quy chế phối hợp giữa các cơ quan, đơn vị; lòng ghép, bố trí nguồn lực, huy động nguồn lực xã hội hóa hợp pháp phù hợp điều kiện địa phương. Đảng ủy UBND tỉnh lãnh đạo UBND tỉnh cụ thể hóa, tổ chức thực hiện; chỉ đạo rà soát, đề xuất, kiến nghị hoàn thiện cơ chế, chính sách; tăng cường quản lý nhà nước về lao động; hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện pháp luật lao động và trách nhiệm của người sử dụng lao động trong công tác tuyên truyền, giáo dục.

2.3.5. Xây dựng đội ngũ cán bộ làm công tác tuyên truyền đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ, góp phần xây dựng giai cấp công nhân vững mạnh

Tập trung xây dựng đội ngũ cán bộ làm công tác tuyên truyền, giáo dục có bản lĩnh chính trị vững vàng, phẩm chất đạo đức tốt, am hiểu pháp luật, nắm chắc thực tiễn quan hệ lao động; chú trọng đội ngũ cán bộ công đoàn, báo cáo viên, tuyên truyền viên ở cơ sở. Đẩy mạnh đào tạo, bồi dưỡng kỹ năng tuyên truyền, đối thoại, nắm bắt và định hướng tư tưởng công nhân; nâng cao năng lực ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số. Xác định rõ trách nhiệm của cấp ủy, tổ chức công đoàn trong xây dựng, phát huy đội ngũ; thực hiện tốt công tác kiểm tra, đánh giá, động viên, khen thưởng

3. Gợi ý liên hệ, vận dụng với chi bộ, đảng viên

Chi bộ định hướng đảng viên thực hiện tốt công tác tuyên truyền, giáo dục chính trị, tư tưởng, pháp luật cho công nhân; kịp thời nhắc nhở, chấn chỉnh các biểu hiện vi phạm, nhất là tại doanh nghiệp ngoài nhà nước, địa bàn vùng sâu, vùng xa.

Đảng viên gương mẫu chấp hành chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước; tích cực tuyên truyền, vận động công nhân, nhất là lao động dân tộc thiểu số, nâng cao ý thức chấp hành pháp luật, kỷ luật lao động; đấu tranh với các quan điểm sai trái.

Tăng cường phối hợp với công đoàn, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc trong tuyên truyền, giáo dục; vận động công nhân tiếp cận thông tin chính thống; kịp thời phản ánh tình hình, góp phần xây dựng giai cấp công nhân tinh vững mạnh.

IV. CHƯƠNG TRÌNH HÀNH ĐỘNG SỐ 19-CTr/TU, NGÀY 03/4/2026 CỦA BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY VỀ THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT SỐ 80-NQ/TW, NGÀY 07/01/2026 CỦA BỘ CHÍNH TRỊ VỀ PHÁT TRIỂN VĂN HÓA VIỆT NAM

1. Bối cảnh, sự cần thiết ban hành Chương trình hành động

Những năm qua, công tác phát triển văn hóa của tỉnh đạt nhiều kết quả tích cực; nhận thức, trách nhiệm của cấp ủy, chính quyền và Nhân dân được nâng lên. Việc bảo tồn, phát huy bản sắc văn hóa các dân tộc gắn với phát triển du lịch được triển khai hiệu quả; hoạt động văn học, nghệ thuật có chuyển biến; phong trào xây dựng đời sống văn hóa đạt hiệu quả tốt, góp phần nâng cao đời sống tinh thần và xây dựng con người Lai Châu đoàn kết, vượt khó, khát vọng vươn lên. Tuy nhiên, hoạt động văn hóa, thể thao chưa rộng khắp; nghệ thuật chuyên nghiệp, thể thao thành tích cao và phát triển công nghiệp văn hóa chưa đáp ứng yêu cầu; hủ tục còn tồn tại, nguy cơ mai một bản sắc. Thiết chế văn hóa thiếu đồng bộ, nguồn nhân lực hạn chế; việc huy động nguồn lực tổ chức các hoạt động còn phụ thuộc ngân sách nhà nước.

Nguyên nhân chủ yếu do điều kiện kinh tế - xã hội còn khó khăn, địa bàn rộng, trình độ dân trí không đồng đều; chênh lệch hưởng thụ văn hóa giữa các vùng; công tác tuyên truyền, triển khai ở một số nơi chưa hiệu quả; nguồn lực đầu tư hạn chế; tác động của môi trường số và yếu tố ngoại lai đến việc giữ gìn, phát huy giá trị văn hóa và xây dựng con người Lai Châu trong giai đoạn mới.

2. Nội dung trọng tâm, cốt lõi của Chương trình hành động

2.1. Mục tiêu

Chương trình hành động đề ra mục tiêu chung và một số mục tiêu cụ thể đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 như sau:

2.1.1. Mục tiêu chung: Xây dựng và phát triển văn hóa, con người Lai Châu toàn diện, gắn với nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc; thống nhất trong đa dạng; mang đặc trưng dân tộc, dân chủ, nhân văn, khoa học, hiện đại. Xây dựng môi trường văn hóa lành mạnh từ gia đình, nhà trường đến xã hội và không gian số; bảo tồn, phát huy di sản văn hóa, nhất là di sản có nguy cơ mai một; phát triển đồng bộ hệ thống thiết chế văn hóa và nâng cao chất lượng nguồn nhân lực. Đẩy mạnh hội nhập quốc tế; phát triển văn học, nghệ thuật; chú trọng các ngành công nghiệp văn hóa gắn với lợi thế địa phương, lan tỏa giá trị văn hóa đặc sắc của

con người Lai Châu. Phân đầu đến năm 2030, Lai Châu trở thành điểm đến hấp dẫn của vùng Trung du miền núi phía Bắc.

2.1.2 Một số mục tiêu cụ thể đến năm 2030

- 100% địa phương triển khai hiệu quả phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa” gắn với Cuộc vận động “Toàn dân đoàn kết xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh”. 100% xã, phường có nhà văn hóa, 88% thôn, bản, khu dân cư có nhà văn hóa; 90% thiết chế hoạt động thường xuyên, hiệu quả; 86% hộ gia đình, 78% thôn bản, khu phố và 98% cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp đạt chuẩn văn hóa; 100% khu dân cư thực hiện tốt hương ước, quy ước. Xây dựng mới Trung tâm Văn hóa, nghệ thuật tỉnh và Bảo tàng - Thư viện tỉnh.

- Trên 32% người dân tập luyện thường xuyên; trên 21.000 gia đình thể thao; trên 98% học sinh đạt tiêu chuẩn rèn luyện thân thể; tỉnh có 187 công trình thể thao; 100% xã có công trình thể thao đạt chuẩn; duy trì 15–20 giải thể thao cấp tỉnh/năm; đăng cai và tổ chức các giải thể thao quốc gia và cấp tỉnh mở rộng dựa trên các nội dung thể mạnh riêng có của tỉnh.

- Hoàn thành số hóa 100% di sản cấp quốc gia vào năm 2026; tu bổ, tôn tạo khoảng 70% di tích cấp quốc gia.

- 100% học sinh, sinh viên được tham gia hoạt động văn hóa, nghệ thuật; 100% cơ sở giáo dục thực hiện tốt bảo tồn văn hóa truyền thống gắn với hoạt động phong trào và hoạt động ngoại khóa.

- Bố trí tối thiểu 2% chi ngân sách nhà nước cho văn hóa; tăng cường xã hội hoá văn hoá đúng hướng, hiệu quả.

- Phát triển du lịch trở thành ngành kinh tế quan trọng. Tốc độ tăng trưởng lượt khách du lịch bình quân giai đoạn 2026-2030 đạt 10%/năm; tổng doanh thu từ du lịch đến năm 2030 đạt 2.700 tỷ đồng.

2.1.3. Tầm nhìn đến năm 2045: Tiếp tục xây dựng và phát triển văn hóa, con người Lai Châu toàn diện, trong đó con người là trung tâm, chủ thể, mục tiêu, động lực của phát triển; các giá trị văn hóa giữ vai trò là nền tảng, chuẩn mực và được thấm thâu trong mọi lĩnh vực của đời sống xã hội. Phát triển các ngành công nghiệp văn hóa trở thành lĩnh vực quan trọng của dịch vụ; thu hút đầu tư hình thành 2 khu du lịch quốc gia, 4 tổ hợp dịch vụ, nghỉ dưỡng, vui chơi giải trí và 44 khu, điểm du lịch cấp tỉnh.

2.2. Nhiệm vụ, giải pháp

Chương trình hành động đề ra 8 nhóm nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm sau:

2.2.1. Đổi mới tư duy, thống nhất nhận thức và hành động trong phát triển văn hóa

Tổ chức học tập, quán triệt sâu sắc, toàn diện Nghị quyết số 80-NQ/TW và các chủ trương liên quan của Trung ương, của tỉnh. Người đứng đầu cấp ủy, chính quyền

chịu trách nhiệm trực tiếp; phát huy vai trò nêu gương của cán bộ, đảng viên. Ban hành kịp thời các văn bản lãnh đạo, chỉ đạo, hướng dẫn triển khai thực hiện các chủ trương về phát triển văn hoá; lồng ghép mục tiêu phát triển văn hoá, con người vào các chiến lược, quy hoạch, bảo đảm đồng bộ giữa phát triển kinh tế và văn hoá. Đổi mới công tác tuyên truyền; phát huy vai trò của báo chí, truyền thông số, mạng xã hội trong lan tỏa giá trị văn hoá; tăng cường bảo đảm an ninh văn hoá, nhất là trên không gian mạng. Phát hiện, bồi dưỡng và nhân rộng gương người tốt, việc tốt. Đẩy mạnh giáo dục, lan tỏa hệ giá trị quốc gia, văn hoá, gia đình và con người; phát hiện, nhân rộng điển hình tiên tiến; phát huy vai trò văn nghệ sĩ, trí thức, nghệ nhân, người có uy tín; vận động Nhân dân tham gia sáng tạo, gìn giữ và phát huy giá trị văn hoá.

2.2.2. Hoàn thiện thể chế, khơi thông nguồn lực phát triển văn hoá

Rà soát, hoàn thiện hệ thống cơ chế, chính sách về văn hoá, thể thao, du lịch; kịp thời kiến nghị sửa đổi những quy định bất cập, chồng chéo, không còn phù hợp. Triển khai các chiến lược, chỉ số phát triển văn hoá; từng bước lượng hóa đóng góp của văn hoá, công nghiệp văn hoá vào phát triển kinh tế - xã hội. Xây dựng chính sách đặc thù trong phát hiện, đào tạo, bồi dưỡng, trọng dụng tài năng; có cơ chế đãi ngộ, tôn vinh nghệ nhân, nghệ sĩ; khuyến khích sáng tạo và thực hiện cơ chế đặt hàng các tác phẩm văn học, nghệ thuật có giá trị cao. Chủ động thí điểm các cơ chế, chính sách mới đối với những vấn đề cấp bách nhằm tạo đột phá phát triển văn hoá. Huy động, sử dụng hiệu quả các nguồn lực; đẩy mạnh xã hội hóa; tập trung đầu tư có trọng tâm, trọng điểm; tăng cường kiểm tra, giám sát, bảo đảm công khai, minh bạch, tránh lãng phí.

2.2.3. Xây dựng con người Lai Châu và môi trường văn hoá

Lấy xây dựng nhân cách con người làm trung tâm; phát triển toàn diện về đức - trí - thể - mỹ; coi trọng giáo dục đạo đức, lối sống; đặt giáo dục đạo đức và văn hoá lên hàng đầu trong các cơ sở giáo dục; tăng cường phối hợp gia đình - nhà trường - xã hội; phát huy vai trò nêu gương của cán bộ, đảng viên và xây dựng văn hoá trong hệ thống chính trị, doanh nghiệp. Bồi dưỡng con người Lai Châu phát triển toàn diện về thể chất và tinh thần; có lòng yêu nước, tự hào dân tộc, lối sống lành mạnh, trung thực, đoàn kết, tôn trọng kỷ cương pháp luật và quy ước cộng đồng.

Triển khai hiệu quả hệ giá trị văn hoá, hệ giá trị quốc gia, hệ giá trị gia đình và chuẩn mực con người Việt Nam; nâng cao thẩm mỹ, phát huy vai trò của văn học, nghệ thuật. Xây dựng môi trường văn hoá lành mạnh, văn minh từ cơ sở đến không gian số. Phát triển văn hoá cơ sở tích hợp phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hoá” nội dung “Xây dựng cộng đồng văn hoá cơ sở giàu bản sắc, sáng - xanh - sạch - đẹp”; bảo tồn, phát huy bản sắc, xóa bỏ hủ tục; đầu tư, nâng cao hiệu quả thiết chế văn hoá, thể thao. Tăng cường xây dựng môi trường văn hoá số; thực hiện quy tắc ứng xử trên không gian mạng; đẩy mạnh chuyển đổi số trong lĩnh vực văn hoá. Phát động các phong trào thi đua, nhân rộng mô hình hay; xây dựng “thế trận văn hoá” gắn với quốc phòng, an ninh; đấu tranh, xử lý thông tin xấu độc, phản văn hoá. Bảo đảm quyền hưởng thụ và sáng tạo văn hoá của Nhân dân; thu hẹp

khoảng cách thụ hưởng giữa các vùng; quan tâm các nhóm yếu thế; phát triển dịch vụ văn hóa, nâng cao đời sống tinh thần. Định kỳ tổ chức các sự kiện văn hóa, thể thao, du lịch. Phát huy vai trò văn hóa công vụ, văn hóa doanh nghiệp và giá trị tích cực của tôn giáo, tín ngưỡng trong xây dựng đời sống văn hóa.

2.2.4. Đổi mới quản lý văn hóa, thúc đẩy chuyển đổi số

Đổi mới phương thức quản lý theo hướng kiến tạo, phục vụ; chuyển từ “tiền kiểm” sang “hậu kiểm”. Đẩy mạnh ứng dụng khoa học, công nghệ và chuyển đổi số trong quản lý, giám sát và phát triển các hoạt động văn hóa; phát triển dịch vụ văn hóa số, nền tảng số, bảo vệ bản quyền và khai thác dữ liệu văn hóa. Sắp xếp tổ chức bộ máy tinh gọn, hiệu lực, hiệu quả; phân cấp, phân quyền rõ ràng; cải cách thủ tục hành chính; nâng cao năng lực tự chủ của đơn vị sự nghiệp; đẩy mạnh xã hội hóa dịch vụ văn hóa. Chủ động thích ứng với xu hướng công nghệ, khai thác hiệu quả hạ tầng dữ liệu và các nền tảng số dùng chung, tạo động lực bứt phá cho phát triển văn hóa.

2.2.5. Xây dựng hệ sinh thái văn hóa, thúc đẩy sáng tạo

Phát triển văn hóa Lai Châu đa dạng, hiện đại, đậm đà bản sắc. Nhận diện, khai thác hiệu quả tài nguyên văn hóa, lấy di sản làm trung tâm; tạo điều kiện để người dân tham gia và hưởng lợi. Triển khai hiệu quả các nghị quyết, đề án về phát triển du lịch và bảo tồn, phát huy di sản văn hóa. Trọng dụng, tôn vinh và tạo môi trường thuận lợi cho đội ngũ trí thức, văn nghệ sĩ, nghệ nhân và thế hệ trẻ, góp phần thúc đẩy sáng tạo và phát triển văn hóa.

2.2.6. Phát triển công nghiệp văn hóa, thị trường văn hóa và du lịch

Triển khai hiệu quả chiến lược phát triển công nghiệp văn hóa; tập trung vào các lĩnh vực có tiềm năng, lợi thế. Nâng cao chất lượng sản phẩm, dịch vụ du lịch, phát triển du lịch cộng đồng; xây dựng các điểm du lịch mới; phân đầu hình thành các khu du lịch quốc gia như Sìn Hồ, Ô Quy Hồ, từng bước khẳng định thương hiệu du lịch Lai Châu. Đẩy mạnh tổ chức các sự kiện văn hóa, lễ hội; tăng cường quảng bá hình ảnh, thúc đẩy tăng trưởng du lịch. Rà soát quy hoạch, bố trí nguồn lực đầu tư thiết chế văn hóa; khuyến khích doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân tham gia đầu tư, khởi nghiệp trong lĩnh vực công nghiệp văn hóa.

2.2.7. Huy động nguồn lực, phát triển hạ tầng và nhân lực văn hóa

Triển khai hiệu quả Chương trình mục tiêu quốc gia về phát triển văn hóa giai đoạn 2025 - 2035. Ưu tiên bố trí ngân sách cho văn hóa; đẩy mạnh xã hội hóa, huy động các nguồn lực hợp pháp; phát huy vai trò định hướng của Nhà nước, khuyến khích khu vực tư nhân tham gia. Chú trọng đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, phát hiện và trọng dụng tài năng; đổi mới giáo dục nghệ thuật, phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao. Đẩy mạnh nghiên cứu lý luận, tổng kết thực tiễn; dự báo xu hướng phát triển; xây dựng các chương trình nghiên cứu trọng điểm về văn hóa Lai Châu.

2.2.8. Hội nhập quốc tế về văn hóa, phát huy sức mạnh mềm

Phát huy vai trò văn hóa trong đối ngoại; quảng bá hình ảnh đất và người Lai

Châu. Xây dựng, triển khai kế hoạch hội nhập quốc tế về văn hóa; tham gia hiệu quả các chương trình, dự án hợp tác; thực hiện tốt các cam kết quốc tế về văn hóa, bản quyền, sở hữu trí tuệ; từng bước đưa sản phẩm văn hóa địa phương ra thị trường trong nước và quốc tế. Đẩy mạnh giao lưu, hợp tác với các địa phương, tổ chức quốc tế và cộng đồng người Việt Nam ở nước ngoài; phát huy vai trò kết nối, quảng bá. Tăng cường tham gia, đăng cai các sự kiện văn hóa, nghệ thuật, thể thao; gắn ngoại giao văn hóa với xúc tiến du lịch.

2.3. Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết số 80-NQ/TW đã cụ thể hóa các mục tiêu, nhiệm vụ bằng 22 nhiệm vụ trọng tâm, xác định rõ cơ quan chủ trì, cơ quan phối hợp, thời gian thực hiện và nguồn lực bảo đảm. Qua đó, tạo điều kiện thuận lợi để tổ chức thực hiện đồng bộ, hiệu quả Chương trình hành động trong toàn tỉnh.

3. Gợi ý liên hệ, vận dụng với chi bộ, đảng viên

- Chi bộ định hướng đề đảng viên nâng cao nhận thức về vị trí, vai trò của văn hóa; đưa nội dung phát triển văn hóa vào sinh hoạt chi bộ, chương trình công tác; cụ thể hóa thành nhiệm vụ phù hợp với chức năng, lĩnh vực phụ trách, bảo đảm gắn với nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội của địa phương, đơn vị.

- Đảng viên nêu gương trong xây dựng môi trường văn hóa lành mạnh; chấp hành và lan tỏa các chuẩn mực văn hóa, đạo đức, lối sống; chủ động học tập, nâng cao trình độ, tích cực tham gia các hoạt động bảo tồn, phát huy bản sắc văn hóa và xây dựng đời sống văn hóa ở cơ sở.

- Tăng cường tuyên truyền, vận động Nhân dân thực hiện tốt các phong trào, cuộc vận động về xây dựng đời sống văn hóa; giữ gìn, phát huy giá trị truyền thống, xóa bỏ hủ tục; nâng cao ý thức chấp hành pháp luật, xây dựng môi trường văn hóa lành mạnh, văn minh.

V. CHƯƠNG TRÌNH HÀNH ĐỘNG SỐ 20-CTr/TU, NGÀY 07/4/2026 CỦA BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY VỀ THỰC HIỆN CHỈ THỊ SỐ 57-CT/TW, NGÀY 31/12/2025 CỦA BAN BÍ THƯ VỀ TĂNG CƯỜNG BẢO ĐẢM AN NINH MẠNG, BẢO MẬT THÔNG TIN, AN NINH DỮ LIỆU TRONG HỆ THỐNG CHÍNH TRỊ

1. Tình hình

Thời gian qua, công tác bảo đảm an ninh mạng, bảo mật thông tin và an ninh dữ liệu trong hệ thống chính trị của tỉnh được triển khai thực hiện nghiêm túc, đạt được nhiều kết quả quan trọng. Nhận thức của cấp ủy, tổ chức đảng, cơ quan, đơn vị và cán bộ, đảng viên về vai trò, tầm quan trọng của an ninh mạng được nâng lên rõ rệt. Hệ thống hạ tầng công nghệ thông tin từng bước được đầu tư, nâng cấp, bước đầu bảo đảm yêu cầu về an toàn, an ninh thông tin. Việc vận hành các cơ sở dữ liệu được chú trọng, bảo đảm tính chính xác, đồng bộ, an toàn. Công tác đào tạo, bồi dưỡng kỹ năng về an ninh mạng cho cán bộ, công chức, viên chức được tăng cường. **Góp phần bảo vệ vững chắc hệ thống thông tin, dữ liệu, phục vụ hiệu quả công tác lãnh**

đạo, chỉ đạo, điều hành trong tình hình mới. Tuy nhiên, quy mô, tiềm lực, trình độ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo của tỉnh chưa đáp ứng nhu cầu phát triển chung. Ban Thường vụ Tỉnh ủy ban hành Chương trình hành động số 20-CTr/TU thực hiện Chỉ thị số 57-CT/TW, ngày 31/12/2025 của Ban Bí thư về tăng cường bảo đảm an ninh mạng, bảo mật thông tin, an ninh dữ liệu trong hệ thống chính trị.

2. Nội dung cơ bản, cốt lõi của Chương trình hành động

2.1. Chương trình hành động xác định mục tiêu chung; mục tiêu đến năm 2030 và tầm nhìn đến năm 2045, trong đó nhấn mạnh.

2.1.1. Mục tiêu chung: Xây dựng không gian mạng an toàn, vững mạnh, có năng lực phòng vệ tốt và khả năng chống chịu cao, tạo điều kiện để phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới, sáng tạo, chuyển đổi số, đồng thời góp phần bảo vệ vững chắc chủ quyền, an ninh, lợi ích của tỉnh và quốc gia trên không gian mạng.

2.1.2. Mục tiêu đến năm 2030

- Tạo chuyển biến mạnh mẽ về nhận thức và hành động, phát huy vai trò của các cấp ủy trong lãnh đạo, chỉ đạo các nhiệm vụ về bảo đảm an ninh mạng.

- Có cơ chế, chính sách khuyến khích đổi mới, sáng tạo và tạo điều kiện cho doanh nghiệp mới tham gia thị trường **có sản phẩm, giải pháp an ninh mạng chất lượng có cơ hội phát triển.**

- Hoàn thiện cơ sở dữ liệu dùng chung kết nối liên thông với hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu quốc gia. Phát triển trung tâm giám sát an ninh mạng và điều hành thông minh của tỉnh để bảo vệ dữ liệu của cá nhân và tổ chức. Các hệ thống thông tin của cơ quan, đơn vị, địa phương được kiểm tra, rà soát, khắc phục các lỗ hổng, điểm yếu an ninh mạng. Nâng cao nhận thức của cán bộ, đảng viên và người dân; đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ chuyên trách, có chất lượng, đủ năng lực bảo vệ hạ tầng số trên địa bàn tỉnh.

- Triển khai đầy đủ giải pháp bảo đảm an toàn hệ thống thông tin theo cấp độ **ngay từ khâu thiết kế, đầu tư, vận hành;** ưu tiên các hệ thống nền tảng, hệ thống phục vụ thủ tục hành chính và hệ thống dữ liệu lõi. Thúc đẩy ứng dụng các công nghệ tiên tiến như trí tuệ nhân tạo (AI), phân tích dữ liệu lớn (Big Data), giám sát thông minh **để sớm phát hiện và xử lý kịp thời các mối đe dọa an ninh mạng.** Tăng cường sử dụng các sản phẩm, dịch vụ an ninh mạng "Make in Vietnam". Khuyến khích các đơn vị nghiên cứu, phát triển, tự chủ về công nghệ đối với một số sản phẩm an ninh mạng, bảo mật thông tin và an ninh dữ liệu.

2.1.3. Tầm nhìn đến năm 2045: Phát triển hạ tầng an ninh mạng và hạ tầng số đồng bộ, hiện đại. Các hoạt động của hệ thống chính trị được vận hành trên nền tảng số, bảo đảm minh bạch, hiệu quả và phục vụ người dân, doanh nghiệp nhanh chóng, thuận tiện; xây dựng đội ngũ cán bộ chuyên trách an ninh mạng có trình độ, đáp ứng nhu cầu của tỉnh; làm chủ công nghệ với một số sản phẩm an ninh mạng, bảo mật thông tin và an ninh dữ liệu.

2.2. Chương trình hành động xác định 5 nhóm nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm, bao gồm:

2.2.1. Tăng cường sự lãnh đạo của các cấp ủy đảng, nâng cao nhận thức, trách nhiệm của cả hệ thống chính trị và toàn dân về an ninh mạng, bảo mật thông tin, an ninh dữ liệu

- Các cấp ủy, tổ chức đảng, cán bộ, đảng viên nhận thức đầy đủ, sâu sắc quan điểm, chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước; xác định rõ trách nhiệm, chủ động thực hiện; huy động sức mạnh tổng hợp của toàn dân, phát huy vai trò chủ chốt của lực lượng Công an nhân dân, Quân đội nhân dân.

- Nâng cao nhận thức, quyết tâm, phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo, thực hiện chuyên đổi số. Tập trung phát triển, khai thác, sử dụng hệ sinh thái sản phẩm, dịch vụ an ninh mạng Việt Nam. Đổi mới mạnh mẽ nội dung, hình thức tuyên truyền, giáo dục kiến thức, kỹ năng; phát huy trách nhiệm xã hội của cơ quan báo chí, người có uy tín, người có ảnh hưởng trên không gian mạng. Tập trung đào tạo, nâng cao năng lực, kỹ năng của lực lượng chuyên trách về an ninh mạng.

- Bảo đảm an ninh mạng, an ninh dữ liệu là yếu tố nền tảng, yêu cầu bắt buộc ngay từ khâu quy hoạch, thiết kế, xây dựng, vận hành hệ thống thông tin.

- Người đứng đầu cấp ủy, chính quyền, cơ quan, đơn vị, địa phương chịu trách nhiệm trực tiếp, toàn diện về công tác bảo đảm an ninh mạng, an ninh dữ liệu, bảo vệ bí mật nhà nước. Cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức và người lao động phải gương mẫu thực hiện.

- Triển khai hệ thống định danh và xác thực không gian mạng quốc gia; thống nhất định danh công dân, người dùng mạng xã hội, thuê bao viễn thông và tài nguyên Internet (tên miền, địa chỉ IP...). Kiên quyết xử lý triệt để tình trạng SIM "rác", tài khoản "ảo", nặc danh; áp dụng biện pháp xác thực danh tính bắt buộc đối với người dùng mạng xã hội và cơ chế kiểm soát độ tuổi để bảo vệ trẻ em trên không gian mạng.

2.2.2. Hoàn thiện thể chế, chính sách và nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước

Rà soát, ban hành theo thẩm quyền hoặc đề xuất cấp có thẩm quyền sửa đổi, bổ sung, hoàn thiện, thống nhất, đồng bộ hệ thống pháp luật, cơ chế, chính sách về an ninh mạng, bảo mật thông tin, bảo vệ dữ liệu cá nhân. Thống nhất đầu mối, phân định rõ trách nhiệm quản lý nhà nước bảo đảm hiệu lực, hiệu quả. Công an tỉnh chịu trách nhiệm trước UBND tỉnh, chủ trì quản lý nhà nước về an ninh mạng, bảo mật thông tin, an ninh dữ liệu. Triển khai quy hoạch và phát triển hạ tầng số, hạ tầng dữ liệu bảo đảm hiện đại, đồng bộ, an toàn; quản lý chặt chẽ hoạt động của doanh nghiệp cung cấp dịch vụ trên không gian mạng .

2.2.3. Tập trung đầu tư, hiện đại hoá hạ tầng, công nghệ và các giải pháp kỹ thuật bảo đảm an ninh mạng

- Áp dụng đồng bộ kiến trúc bảo vệ an ninh mạng cho hạ tầng mạng Internet

và hệ thống thông tin của các cơ quan, đơn vị, địa phương, doanh nghiệp. Nghiên cứu phương án xây dựng Trung tâm An ninh mạng tỉnh Lai Châu, mở rộng kết nối giám sát an ninh mạng đến toàn bộ hệ thống thông tin, hệ thống dùng chung trên địa bàn tỉnh. Chủ động thiết lập kênh kết nối, trao đổi thông tin, dữ liệu.

- Rà soát, kiểm tra, đánh giá định kỳ công tác bảo đảm an ninh thông tin, an ninh mạng. Rà soát hạ tầng công nghệ thông tin theo hướng tập trung **máy chủ về các trung tâm dữ liệu đạt chuẩn, đủ điều kiện an ninh mạng**.

- Bảo đảm nguồn lực tài chính bền vững cho công tác an ninh mạng. Bảo đảm tỉ lệ kinh phí chi cho an ninh mạng, bảo mật thông tin đạt tối thiểu 15% tổng kinh phí triển khai kế hoạch ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số, phù hợp với khả năng cân đối ngân sách của địa phương; đầu tư có trọng tâm, trọng điểm, tránh dàn trải, lãng phí.

2.2.4. Xây dựng thế trận an ninh nhân dân gắn với thế trận quốc phòng toàn dân trên không gian mạng; phát triển tiềm lực, công nghệ và nguồn nhân lực

- Phát huy vai trò nòng cốt của lực lượng vũ trang nhân dân, sức mạnh tổng hợp của các doanh nghiệp công nghệ, viễn thông và các tầng lớp Nhân dân. Các doanh nghiệp cung cấp dịch vụ viễn thông, Internet phải xác định rõ trách nhiệm là "tuyên đầu" trong bảo vệ an ninh mạng.

- Phát triển văn hóa số bảo đảm giữ gìn bản sắc dân tộc, triển khai bộ quy tắc ứng xử trên không gian mạng, giảm thiểu tác động tiêu cực của công nghệ số đối với xã hội.

2.2.5. Về hợp tác quốc tế trên lĩnh vực an ninh mạng

Tập trung đẩy mạnh hợp tác nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ với các quốc gia có trình độ khoa học và công nghệ, chuyển đổi số phát triển; phối hợp trong công tác phòng, chống và ứng phó sự cố tấn công mạng. Cử cán bộ đi đào tạo, huấn luyện chuyên sâu và tích cực tham gia các cuộc diễn tập an ninh mạng quốc tế.

3. Gợi ý liên hệ, vận dụng với chi bộ, đảng viên

Chi bộ định hướng đề đảng viên bảo đảm an ninh mạng, bảo mật thông tin, an ninh dữ liệu; kịp thời nhắc nhở, chấn chỉnh các biểu hiện vi phạm trong sử dụng Internet, mạng xã hội.

Đảng viên gương mẫu chấp hành các quy định của Đảng, pháp luật của Nhà nước về an ninh mạng; không đăng tải, chia sẻ, bình luận thông tin sai sự thật, chưa được kiểm chứng; không làm lộ lọt bí mật nhà nước, bí mật công tác, thông tin cá nhân.

Tăng cường tuyên truyền, vận động Nhân dân nâng cao cảnh giác trước các hành vi lừa đảo, phát tán thông tin xấu, độc trên không gian mạng; kịp thời thông tin với lực lượng công an, quân sự xã về các vi phạm.

VI. KẾ HOẠCH SỐ 64-KH/TU, NGÀY 06/4/2026 CỦA BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY VỀ THỰC HIỆN CHỈ THỊ SỐ 03-CT/TW, NGÀY 03/02/2026

CỦA BAN BÍ THƯ VỀ TĂNG CƯỜNG SỰ LÃNH ĐẠO CỦA ĐẢNG ĐỐI VỚI CÔNG TÁC QUẢN LÝ, PHÁT TRIỂN VẬT LIỆU XÂY DỰNG TRONG GIAI ĐOẠN MỚI TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH LAI CHÂU

1. Tình hình công tác quản lý, phát triển vật liệu xây dựng

Trong thời gian qua, công tác quản lý, phát triển vật liệu xây dựng trên địa bàn tỉnh đã được các cấp ủy, tổ chức đảng, chính quyền, cơ quan, đơn vị quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo. Hệ thống khai thác, sản xuất vật liệu xây dựng tiếp tục được hình thành, củng cố; công tác công bố giá vật liệu xây dựng, quản lý chất lượng, quản lý khai thác khoáng sản làm vật liệu xây dựng được chú trọng, **góp phần đa dạng hóa nguồn cung vật liệu xây dựng trên địa bàn**. Tuy nhiên, công tác quản lý, phát triển vật liệu xây dựng trên địa bàn tỉnh vẫn còn những khó khăn, hạn chế; nguồn cung một số loại vật liệu xây dựng thông thường có thời điểm thiếu hụt cục bộ; công tác thu thập, chuẩn hóa, cập nhật dữ liệu phục vụ quản lý, dự báo, điều hành và công bố thông tin giá vật liệu xây dựng ở cơ sở có lúc chưa thật sự đồng bộ, kịp thời; trong khi nhu cầu vật liệu cho các công trình trọng điểm, công trình cấp bách, khu vực biên giới, vùng sâu, vùng xa ngày càng tăng.

Ban Thường vụ Tỉnh ủy ban hành Kế hoạch số 64-KH/TU về thực hiện Chỉ thị số 03-CT/TW, ngày 03/02/2026 của Ban Bí thư về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác quản lý, phát triển vật liệu xây dựng trong giai đoạn mới trên địa bàn tỉnh Lai Châu.

2. Nội dung trọng tâm, cốt lõi của Kế hoạch

Kế hoạch đề ra 6 nhóm nhiệm vụ, giải pháp, trọng tâm sau

2.1. Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng; đẩy mạnh tuyên truyền, quán triệt, nâng cao nhận thức

Các cấp ủy, tổ chức đảng quán triệt sâu sắc nội dung Chỉ thị số 03-CT/TW của Ban Bí thư, Kế hoạch của Ban Thường vụ Tỉnh ủy. Đẩy mạnh tuyên truyền, phổ biến, nâng cao nhận thức; khuyến khích sử dụng vật liệu xây không nung, vật liệu xanh, vật liệu tiết kiệm năng lượng, vật liệu thay thế phù hợp. Phát huy vai trò của Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức thành viên trong tuyên truyền, giám sát, phản biện xã hội; kịp thời phản ánh, kiến nghị, đề xuất giải pháp nâng cao hiệu quả quản lý, phát triển vật liệu xây dựng trên địa bàn tỉnh.

2.2. Rà soát, hoàn thiện cơ chế, chính sách, quy hoạch; đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính

Tiếp tục rà soát, cập nhật các nội dung liên quan đến vật liệu xây dựng và khoáng sản làm vật liệu xây dựng trong quy hoạch tỉnh, quy hoạch xây dựng, quy hoạch đô thị, nông thôn và các chương trình, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội.

Phân định rõ chức năng, nhiệm vụ, thẩm quyền và trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị; hoàn thiện quy chế phối hợp liên ngành; siết chặt kỷ luật, kỷ cương, phòng ngừa tham nhũng, tiêu cực, lợi ích nhóm. Đẩy mạnh cải cách thủ tục hành

chính; tăng cường giải quyết thủ tục trên môi trường số.

2.3. Nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước; siết chặt kỷ luật, kỷ cương trong quản lý, phát triển vật liệu xây dựng

Tăng cường công tác điều tra, thống kê, rà soát, cập nhật tình hình **khai thác, chế biến, sản xuất, kinh doanh, sử dụng vật liệu xây dựng**; điều hành kịp thời, chủ động. Tăng cường năng lực kiểm định, kiểm tra, giám sát chất lượng. **Đối với các nhóm vật liệu có nguy cơ thiếu hụt cục bộ, phải tham mưu giải pháp điều hành, ưu tiên bảo đảm vật liệu cho các công trình trọng điểm, công trình cấp bách, khu vực biên giới, vùng sâu, vùng xa.** Tăng cường công khai thông tin về giá vật liệu, nguồn cung, tình hình thị trường. Tăng cường quản lý, kiểm soát nguồn gốc, chất lượng, sản lượng khai thác, vận chuyển, tiêu thụ; phối hợp kiểm tra hoạt động lưu thông, kinh doanh, kiểm tra việc niêm yết giá, hóa đơn, chứng từ, nguồn gốc xuất xứ hàng hóa; kịp thời phát hiện, xử lý hoặc kiến nghị xử lý theo thẩm quyền đối với hành vi vi phạm.

2.4. Phát triển vật liệu xây dựng theo hướng xanh, bền vững, phù hợp điều kiện địa phương

Phát triển các sản phẩm vật liệu xây dựng có lợi thế của tỉnh; đa dạng hóa chủng loại, nâng cao chất lượng, giá trị gia tăng sản phẩm. Nghiên cứu, đề xuất hình thành khu, cụm chế biến khoáng sản làm vật liệu xây dựng tập trung, hiệu quả; gắn với đổi mới công nghệ, tiết kiệm tài nguyên, giảm thất thoát, bảo vệ môi trường. Sử dụng vật liệu xây không nung, vật liệu tiết kiệm năng lượng, vật liệu xanh và các loại vật liệu phù hợp. Khuyến khích các cơ sở sản xuất duy trì, nâng cao chất lượng sản phẩm; khai thác, phát huy hợp lý lợi thế về nguồn nguyên liệu tại chỗ; ưu tiên các giải pháp sản xuất phù hợp với quy mô thị trường, điều kiện công nghệ và khả năng đầu tư; thúc đẩy phát triển vật liệu thay thế, vật liệu tái chế, vật liệu mới phù hợp.

2.5. Bảo vệ môi trường; sử dụng tiết kiệm tài nguyên; đẩy mạnh ứng dụng khoa học công nghệ và chuyển đổi số

Kiểm soát chặt chẽ việc chấp hành pháp luật về bảo vệ môi trường, kịp thời chấn chỉnh, xử lý theo thẩm quyền, đúng quy định. Khuyến khích doanh nghiệp áp dụng công nghệ sản xuất tiên tiến, ít phát thải, tiết kiệm năng lượng; sử dụng hợp lý nguyên, nhiên liệu thay thế, nguyên liệu tái chế, năng lượng tái tạo; tiến tới loại bỏ công nghệ lạc hậu, tiềm ẩn nguy cơ gây ô nhiễm môi trường, thâm dụng tài nguyên. Từng bước ứng dụng khoa học công nghệ, chuyển đổi số trong công tác quản lý nhà nước về vật liệu xây dựng.

2.6. Tăng cường hướng dẫn, theo dõi, giám sát; kịp thời chấn chỉnh, xử lý các tồn tại, vi phạm

Tăng cường công tác hướng dẫn, theo dõi, đôn đốc và kiểm tra theo kế hoạch. Nâng cao hiệu lực, hiệu quả thực thi pháp luật; kịp thời nhắc nhở, chấn chỉnh, yêu cầu khắc phục các tồn tại, hạn chế; xử lý vi phạm theo đúng thẩm quyền, quy định.

4. Gợi ý liên hệ, vận dụng với chi bộ, đảng viên

Tăng cường tuyên truyền, quán triệt, nâng cao nhận thức, ý thức trách nhiệm của cán bộ, đảng viên, doanh nghiệp và người dân. Chủ động, kịp thời theo dõi, phát hiện, nhắc nhở, phản ánh, kiến nghị xử lý kịp thời các vi phạm trong quản lý, khai thác, chế biến, sản xuất, kinh doanh và sử dụng vật liệu xây dựng.

Đảng viên gương mẫu chấp hành các quy định của Đảng, pháp luật của Nhà nước đối với công tác quản lý, phát triển vật liệu xây dựng. Tích cực vận động gia đình và Nhân dân sử dụng vật liệu thân thiện với môi trường; không tham gia tiếp tay cho khai thác, kinh doanh vật liệu xây dựng trái quy định, không rõ nguồn gốc; chủ động phát hiện sai phạm, báo cáo cấp có thẩm quyền theo quy định.

VII. CÁC VĂN BẢN CỦA ĐẢNG ỦY XÃ

1. Kế hoạch số 74-KH/ĐU, ngày 10/4/2026 về thực hiện Nghị quyết số 05-NQ/TU, ngày 12/02/2026 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về nâng cao trình độ, năng lực cán bộ cấp xã đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ trong tình hình mới.

2. Kế hoạch số 82-KH/ĐU, ngày 29/04/2026 về thực hiện Nghị quyết số 09-NQ/TU, ngày 04/3/2026 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh về nâng cao hiệu quả thu hút đầu tư, phát triển kinh tế tư nhân thành động lực quan trọng trong phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Lai Châu giai đoạn 2026-2030.

3. Kế hoạch số 83-KH/ĐU, ngày 29/04/2026 về thực hiện Nghị quyết số 08-NQ/TU, ngày 04/3/2026 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh về phát triển du lịch giai đoạn 2026-2030, định hướng đến năm 2035.

4. Kế hoạch số 84-KH/ĐU, ngày 29/04/2026 về thực hiện Nghị quyết số 06-NQ/TU ngày 04/3/2026 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh về nâng cao chất lượng giáo dục và đào tạo trên địa bàn tỉnh Lai Châu giai đoạn 2026-2030.

5. Kế hoạch số 85-KH/ĐU, ngày 29/04/2026 về thực hiện Nghị quyết số 07-NQ/TU ngày 04/3/2026 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh về một số giải pháp tăng cường bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe Nhân dân tỉnh Lai Châu giai đoạn 2026-2030.

6. Kế hoạch số 86-KH/ĐU, ngày 29/4/2026 về thực hiện Nghị quyết số 10-NQ/TU ngày 05/3/2026 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số đến năm 2030.

7. Kế hoạch số 87-KH/ĐU, ngày 29/4/2026 về thực hiện Chỉ thị số 03-CT/TW, ngày 03/02/2026 của Ban Bí thư về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác quản lý, phát triển vật liệu xây dựng giai đoạn mới trên địa bàn xã Bình Lư.

8. Kế hoạch số 88-KH/ĐU, ngày 29/4/2026 về thực hiện Nghị quyết số 79-NQ/TW ngày 06/01/2026 của Bộ Chính trị về phát triển kinh tế nhà nước.

9. Kế hoạch số 89-KH/ĐU, ngày 29/4/2026 về thực hiện Kết luận số 219-KL/TW ngày 26/11/2025 của Bộ Chính trị về tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 19-

NQ/TW ngày 16/6/2022 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII về nông nghiệp, nông dân, nông thôn đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045.

10. Kế hoạch số 92 -KH/ĐU, ngày 29/4/2026 về Thực hiện Kết luận 236-KL/TW ngày 15/01/2026 của Ban Bí thư về tiếp tục thực hiện Chỉ thị số 49-CT/TW về đổi mới công tác dân vận của Đảng vùng đồng bào dân tộc thiểu số.

11. Kế hoạch số 97-KH/ĐU, ngày 11/5/2026 về thực hiện Nghị quyết số 80-NQ/TW ngày 07/01/2026 của Bộ Chính trị về phát triển văn hóa Việt Nam...